

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 53/2025/DS-ST
Ngày 21 tháng 8 năm 2025
V/v tranh chấp: “Hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1, TỈNH VĨNH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tấn Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Mỹ Phúc

2. Ông Châu Thanh Tân

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thùy Nương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Vĩnh Long.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Tiên – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 176/2025/TLST-DS, ngày 22 tháng 5 năm 2025, về tranh chấp dân sự “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2025/QĐST-DS, ngày 14 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Ngân hàng thương mại cổ phần P1; trụ sở chính tại Tòa nhà T, số A, đường T, phường T, thành phố T (nay là phường A), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Trịnh Văn T – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng thương mại cổ phần P1.

Người đại diện ủy quyền: Dương Văn H và Lê Nguyễn Thanh T1, Chức vụ: Chuyên viên chính Thu hồi nợ hiện trường – Phòng xử lý nợ của Ngân hàng thương mại cổ phần P1 (văn bản ủy quyền số: 114A/2025/UQ-OCB, ngày 18/4/2025). (ông H có mặt)

* **Bị đơn:**

- Lê Thái S, sinh năm 1980; căn cước công dân số 038080033396; địa chỉ số A, khóm T, phường T, thành phố V (nay là phường L), tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt)

- Trần Thị Ngọc H1, sinh năm 1996; căn cước công dân số 086196000873; địa chỉ tổ A, ấp H, xã X, huyện T (nay là xã H), tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 18/4/2025 của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần P1, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn trình bày:

Do nhu cầu vay vốn của khách hàng, sau khi bàn bạc Ngân hàng thương mại cổ phần P1 – Chi nhánh V (viết tắt là Ngân hàng) thống nhất cho ông Lê Thái S và bà Trần Thị Ngọc H1 vay theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng tín dụng số: 0113/2022/HĐTD-OCB-CN, ngày 17/3/2022 do ông S ký, số tiền vay 1.100.000.000đ (Một tỷ một trăm triệu đồng), mục đích vay bù đắp tiền mua bất động sản; thời hạn vay 300 tháng; lãi suất cho vay trong hạn 10%/năm, lãi suất có điều chỉnh, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.

- Hợp đồng tín dụng số: 0135/2024/HĐTD-OCB-CN, ngày 01/4/2024 do ông S, bà H1 ký, số tiền vay 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), mục đích vay tiêu dùng mua sắm trang thiết bị gia đình; thời hạn vay 120 tháng; lãi suất cho vay trong hạn theo thỏa thuận tại khế ước nhận nợ là 8,9% cố định trong 03 tháng đầu, lãi suất có điều chỉnh, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Đến ngày 17/3/2022, Ngân hàng đã giải ngân cho ông S số tiền 1.100.000.000đ (Một tỷ một trăm triệu đồng) theo Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 0113/2022/KUNN-OCB-CN; ngày 03/4/2024, Ngân hàng đã giải ngân cho ông S, bà H1 số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) theo Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 0135/2024/KUNN-OCB-CN.

Ngoài ra, Ngân hàng còn cấp cho ông S 01 thẻ tín dụng Mastercard Priority, hạn mức 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán thẻ ghi nợ và đăng ký dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân số 0199, ngày 04/4/2024.

Để bảo đảm các khoản vay trên, ông S có thế chấp tài sản theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 0113A/2022/BĐ, ngày 08/4/2022. Tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa 233, tờ bản đồ 28, diện tích 442,4m², tọa lạc tại phường T, thành phố V (nay là phường T), tỉnh Vĩnh Long, do ông Lê Thái S đứng tên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông S, bà H1 đã thanh toán đối với Hợp đồng tín dụng số: 0113/2022/HĐTD-OCB-CN, ngày 17/3/2022 bằng tiền gốc 135.802.128đ, tiền lãi 383.099.003đ; Hợp đồng tín dụng số: 0135/2024/-HĐTD-OCB-CN, ngày 01/4/2024 tiền gốc 9.996.000đ, lãi 10.392.627đ, nhưng sau đó không thanh toán nữa. Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ tạo điều kiện cho ông S,

bà H1 thanh toán nhưng ông, bà vẫn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Căn cứ vào các điều khoản trong các Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ giữa các bên đã ký kết thì ông S, bà H1 đã vi phạm hợp đồng,

Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông S trả số tiền gốc, lãi theo Hợp đồng tín dụng số: 0113/2022/HĐTD-OCB-CN, ngày 17/3/2022 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán thẻ ghi nợ và đăng ký dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân, ngày 04/4/2024 bằng 1.057.889.521đ (trong đó tiền gốc 1.010.679.922đ, tiền lãi 47.209.599đ); buộc ông S, bà H1 trả số tiền gốc, lãi theo Hợp đồng tín dụng số: 0135/2024/HĐTD-OCB-CN, ngày 01/4/2024 bằng 94.047.000đ (tiền gốc 90.004.000đ và tiền lãi 4.043.210đ). Ngân hàng được tiếp tục tính lãi theo hợp đồng tín dụng cho đến khi ông S, bà H1 trả hết nợ. Trường hợp ông S, bà H1 không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì đề nghị cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi các tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Riêng đối với số tiền phí của thẻ tín dụng số 0199, ngày 04/4/2024, người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn xin rút lại yêu cầu này.

Bị đơn Lê Thái S, Trần Thị Ngọc H1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng các đương sự không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1, tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Qui trình nhận đơn, thu thập chứng cứ của Thẩm phán đúng trình tự thủ tục tố tụng; về thời hạn xét xử đảm bảo đúng thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự; về Hội đồng xét xử thực hiện nguyên tắc xét xử đúng trình tự thủ tục tố tụng; việc chấp hành pháp luật của các đương sự được thực hiện nghiêm túc.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 147, 157, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 244, 280, 299, 323, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; các Điều 100, 103 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

- Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán phí, phí phát sinh của Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng số 0199, ngày 04/04/2024.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP P1:

+ Buộc ông Lê Thái S có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP P1 tính đến ngày 21.8.2025 nợ gốc là 964.197.872đ, nợ lãi là 40.755.943đ và tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết

từ ngày 22/8/2025 cho đến khi ông S hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng đối với Hợp đồng tín dụng số 0113/2022/HĐTD-OCB-CN ngày 17/03/2022.

+ Buộc ông Lê Thái S và bà Trần Thị Ngọc H1 có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP P1 tính đến ngày 21.8.2025 nợ gốc là 90.004.000đ, nợ lãi là 4.073.546đ và tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kết từ ngày 22/8/2025 cho đến khi ông S và bà H1 hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng đối với hợp đồng tín dụng số 0135/2024/HĐTD-OCB-CN ngày 01/04/2024.

+ Buộc ông Lê Thái S có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP P1 tính đến ngày 21.8.2025 nợ gốc là 46.482.050đ, nợ lãi là 6.767.077đ và tiếp tục chịu lãi suất quá hạn trên số nợ gốc từ ngày 22.8.2025 cho đến khi ông S trả xong nợ theo quy định của Ngân hàng đối với Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng số 0199, ngày 04/04/2024.

Trường hợp ông S và bà H1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý, phát mãi, bán toàn bộ tài sản thế chấp để thanh toán nợ vay theo Hợp đồng thế chấp số 0113A/2022/BĐ ngày 08/04/2022 giữa Ngân hàng TMCP P1 với ông Lê Thái S tại Văn phòng công chứng Tạ Thị T2 là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số: 233, tờ bản đồ số 28, diện tích 442,4m² tọa lạc phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DD 860780, số vào sổ cấp GCN: CS10512 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp ngày 04/04/2022

Về chi phí tố tụng: Bị đơn chịu số tiền 1.000.000đ.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Lê Thái S phải chịu số tiền là 43.737.000đ. Ông Lê Thái S và bà Trần Thị Ngọc H1 phải chịu số tiền là 4.702.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả nợ gốc, lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, bị đơn có địa chỉ tại phường L, tỉnh Vĩnh Long. Do đó đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Vĩnh Long. Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Ông Lê Thái S, bà Trần Thị Ngọc H1 (là bị đơn không có yêu cầu phản tố) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông S, bà H1.

[3] Về nội dung:

Căn cứ các Hợp đồng tín dụng số: 0113/2022/HĐTD-OCB-CN, ngày 17/3/2022; số 0135/2024/HĐTD-OCB-CN, ngày 01/4/2024, cùng các Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 0113/2022/KUNN-OCB-CN, ngày 17/3/2022; số: 0135/2024/KUNN-OCB-CN, ngày 03/4/2024 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán thẻ ghi nợ và đăng ký dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân số 0199, ngày 04/4/2024 cho thấy ông Lê Thái S và bà Trần Thị Ngọc H1 có ký kết giao dịch dân sự với Ngân hàng thương mại cổ phần P1, trong đó ông S có nhận số tiền gốc 1.100.000.000đ (Một tỷ một trăm triệu đồng) và 01 thẻ tín dụng Mastercard Priority, hạn mức 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) và ông S, bà H1 có nhận số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) là có thật. Xét thấy, hai bên ký kết hợp đồng trên tinh thần tự nguyện; mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên giao dịch dân sự trên có hiệu lực theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng số: 0113/2022/HĐTD-OCB-CN, ngày 17/3/2022, ông S đã thanh toán được 135.802.128đ tiền gốc, 383.099.003đ tiền lãi; thực hiện Hợp đồng tín dụng số: 0135/2024/HĐTD-OCB-CN, ngày 01/4/2024, ông S, bà H1 thanh toán được 9.996.000đ tiền gốc và 10.392.627đ tiền lãi, sau đó thì không thanh toán nữa. Tính đến ngày 21/8/2025, ông S còn nợ Ngân hàng số tiền gốc và tiền lãi của hợp đồng tín dụng và thẻ tín dụng tổng cộng bằng 1.057.889.521đ (tiền gốc 1.010.679.922đ và tiền lãi 47.209.599đ) và ông S, bà H1 nợ số tiền gốc 90.004.000đ và tiền lãi 4.043.210đ. Xét thấy, việc ông S, bà H1 không trả tiền gốc, lãi đúng như thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ thanh toán; trong quá trình giải quyết mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông S, bà H1 vẫn không có ý kiến phản đối. Căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận tình tiết này là sự thật, như vậy khẳng định hiện ông S, bà H1 còn nợ Ngân hàng số tiền gốc, lãi bằng 94.047.210đ và ông S còn nợ số tiền 1.057.889.521đ, cho nên, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông S, bà H1 hoàn trả tiền gốc, lãi là có cơ sở chấp nhận, phù hợp Điều 100; Điều 103 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024.

[5] Xét việc Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, Hội đồng xét xử thấy, căn cứ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 0113A/2022/BĐ, ngày 08/4/2022 cho thấy các bên ký kết trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc, không trái pháp luật hay đạo đức xã hội và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự; xét về mặt hình thức thì Hợp đồng thế chấp đã được công chứng và đăng ký tại cơ quan đăng ký đất đai là phù hợp với khoản 3 Điều 167, khoản 3 Điều 188 của Luật Đất đai năm 2013; các Điều 119, 501, 502 của Bộ luật Dân sự và Điều 4 của Nghị định số: 102/2017/NĐ-CP, ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm, cho nên, Hợp đồng thế chấp là hoàn toàn hợp pháp. Do đó, Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với khoản 7 Điều 323

của Bộ luật Dân sự, như vậy, đến thời điểm thanh toán mà bị đơn không khả năng thanh toán thì tài sản thế chấp được xử lý theo phương thức do các bên thỏa thuận hoặc Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo quy định pháp luật để thu hồi nợ.

[6] Đối với số tiền phí của hợp đồng thế tín dụng số 0199, ngày 04/4/2024 bằng 2.551.000đ, tại phiên toà người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xin rút lại yêu cầu này. Xét thấy việc rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] **Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:** Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí này bằng 1.000.000đ theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, số tiền này nguyên đơn đã nộp tạm ứng đủ, nên bị đơn có nghĩa vụ hoàn trả lại cho nguyên đơn.

[8] **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Ông S, bà H1 chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với khoản nợ của Hợp đồng tín dụng số: 0135/2024/HĐTD-OCB-CN, ngày 01/4/2024 bằng 4.702.000đ; ông S chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với Hợp đồng tín dụng số: 0113/2022/HĐTD-OCB-CN, ngày 17/3/2022 và thế tín dụng bằng 43.737.000đ theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[9] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1, tỉnh Vĩnh Long là có cơ sở, phù hợp pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 227, 228, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ Điều 100, Điều 103 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024; khoản 7 Điều 323 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về nội dung

Buộc ông Lê Thái S trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần P1 tổng số tiền làm tròn bằng 1.057.889.000đ (Một tỷ không trăm năm mươi bảy triệu tám trăm tám mươi chín ngàn đồng) (trong đó tiền gốc 1.010.680.000đ và tiền lãi 47.209.000đ).

Buộc ông Lê Thái S và bà Trần Thị Ngọc H1 trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần P1 tổng số tiền làm tròn bằng 94.047.000đ (Chín mươi bốn triệu

không trăm bốn mươi bảy ngàn đồng) (trong đó tiền gốc 90.004.000đ và tiền lãi 4.043.000đ).

Thời hạn thanh toán khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp ông Lê Thái S và bà Trần Thị Ngọc H1 không thanh toán hoặc thanh toán chưa hết nợ trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần P1 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 0113A/2022/BĐ, ngày 08/4/2022 được chứng nhận tại Văn phòng C, ngày 08/4/2022 và đăng ký thế chấp ngày 08/4/2022 tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần P1 về việc buộc ông S phải thanh toán khoản phí của hợp đồng thế tín dụng số 0199, ngày 04/4/2024 bằng 2.551.000đ. Ngân hàng được quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

2. Chi phí tố tụng khác

Buộc ông Lê Thái S và bà Trần Thị Ngọc H1 nộp chi phí xem xét thẩm định tại chỗ bằng 1.000.000đ (Một triệu đồng) để hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần P1.

3. Án phí dân sự sơ thẩm

Buộc ông Lê Thái S nộp 43.737.000đ (Bốn mươi ba triệu bảy trăm ba mươi bảy ngàn đồng).

Buộc ông Lê Thái S và bà Trần Thị Ngọc H1 nộp 4.702.000đ (Bốn triệu bảy trăm lẻ hai ngàn đồng).

Ngân hàng thương mại cổ phần P1 được nhận lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 22.182.728đ (Hai mươi hai triệu một trăm tám mươi hai ngàn bảy trăm hai mươi tám đồng) theo biên lai thu số 0007994, ngày 13/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1, tỉnh Vĩnh Long).

4. Nghĩa vụ thi hành án

4.1. Về nghĩa vụ chậm thi hành án

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này (trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay).

4.2. Về hướng dẫn thi hành án dân sự:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh VL;
- VKSND KV1-VL;
- THA DS tỉnh Vĩnh Long;
- Các đ/s;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Võ Tấn Thành